

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 151/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2024

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.
- Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;
- Ông Huỳnh Văn Hoàn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 194/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2024 về tranh chấp: "Xin ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2024/QĐ-ST, ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1985. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện tại: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Lương B, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Lương B cưới nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn hợp nhau về cách sống, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Đã nhiều lần hàn gắn tình cảm giữ hạnh phúc gia đình nhưng không được, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Do đó tôi có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết L yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Lương B.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 31/12/2013, Nguyễn Tấn L, sinh ngày 21/12/2022. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 3.000.000đ.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Lương B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L xin rút lại yêu cầu

cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Bị đơn ông Nguyễn Lương B có địa chỉ tại Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Lương B vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L và ông B.

[3] Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết L:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết L yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Lương B. Bà L trình bày bà và ông B có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/11/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên tranh cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà L đã về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Bến Tre sinh sống thời gian dài nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà L yêu cầu ly hôn ông B. Đối với ông Nguyễn Lương B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L. Từ đó, thấy rằng mâu thuẫn giữa bà L và ông B là trầm trọng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông B.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 31/12/2013, Nguyễn Tấn L, sinh ngày 21/12/2022, bà L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung sau khi vợ chồng ly hôn, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Trước đây bà L có yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 3.000.000đ, nay bà L đủ điều kiện nuôi cả 02 con nên bà không yêu cầu cấp dưỡng. Thấy rằng việc rút yêu cầu cấp dưỡng là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về cấp dưỡng nuôi con. Đối với yêu cầu về nuôi con của bà L là có căn cứ cần được chấp nhận, bởi cháu P có văn bản ghi nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Còn cháu L chưa được 03 tuổi rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ, đồng thời 02 cháu cũng đang sống cùng bà L, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con của bà L, giao 02 cháu P, L cho bà L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L chưa có yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: bà Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết L. Cho bà Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với ông Nguyễn Lương B.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 31/12/2013 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 21/12/2022 cho bà Nguyễn Thị Tuyết L chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Lương B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L chưa có yêu cầu.

Ông Nguyễn Lương B được quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông B thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002605 ngày 23/4/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, cần trừ xem như đã nộp xong án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- UBND xã M, HCL, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa